

# LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

## QUYỂN 3

### *Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỖ KHEO*

#### *Đoạn 2: NÓI VỀ 13 PHÁP TĂNG TÀN (Tiếp Theo)*

Đức Phật ở tại nước Câu-xá-di. Bấy giờ, Tỳ-kheo Xiển-đà, thường tới lui các gia chủ để nói pháp, lo liệu xử lý công việc nhà quan cũng như chữa trị cho các con bệnh. Các quốc vương, Đại thần, trưởng giả, cư sĩ không ai là không kính trọng, thân tình. Có trường hợp các người thuộc những tầng lớp cùng đến thăm viếng, gặp lúc Xiển-đà đang đi kinh hành, họ đến tận nơi đánh lễ sát chân. Xiển-đà vì họ nói pháp diệu, họ vui mừng vì sự lợi ích đã được chỉ dạy. Khi mọi người lui về, Xiển-đà cũng trở về phòng mình, nhưng phòng này đã có Thượng tọa đến trưng dụng rồi. Cứ như vậy phòng nào cũng có người ở, cho đến phòng nhỏ nhất cũng đã có chủ. Đã mất chỗ ở, Xiển-đà đành phải du hành trong nhân gian. Sau đó, các người thuộc các tầng lớp kia lại đến thăm viếng, thấy các Tỳ-kheo đang kinh hành nơi đất trống, họ hỏi: Thầy của chúng tôi là Xiển-đà, hiện nay ở đâu?

Các Tỳ-kheo nói: Chúng tôi không biết.

Họ tìm khắp nơi nhưng không kết quả, đành quay về. Ra đi rồi lại trở về, Xiển-đà mặc y, bưng bát đến các gia chủ cũ của mình. Họ đều ra đón chào và thưa: Bạch Đại đức! Vừa rồi chúng con có tới Tăng phòng tìm thăm mà không gặp, vậy nay Đại đức từ đâu đến?

Xiển-đà nói: Tôi là hàng hạ tọa nhỏ nhất, tất cả phòng, các Thượng tọa đều ở hết, nên tôi phải du hành, do đó các vị đến không gặp để thăm hỏi nhau.

Các gia chủ thưa: Có thể tìm nơi nào đó, chúng con sẽ cất phòng xá cho Đại đức ở, không những chúng con được phước mà Đại đức có chỗ an ổn để tu hành. Vả lại, khi chúng con đến thăm viếng khỏi bị trở

ngại.

Xiển-đà trả lời: Tôi không thể tự làm vì sẽ xao lãng việc hành đạo. Khi tuổi càng lớn, theo thứ tự, sẽ có được chỗ ở là điều dĩ nhiên.

Các gia chủ lại thưa: Chúng con may mắn có vật liệu lại có tâm thiện. Cửa cải vật dụng thì vô thường còn tâm thiện khó lòng giữ mãi, vậy xin Đại đức tìm chỗ, chúng con muốn được cất phòng xá để cúng dường.

Xiển-đà thấy họ quá ân cần, khó lòng từ chối, bèn đi khắp vùng tìm đất để làm thất. Nhận thấy địa điểm Thọ thần là nơi rất tốt cho việc tạo dựng phòng xá, nên Xiển-đà liền triệt hạ cây cổ thụ này.

Vị thần nơi cây đại thọ ấy, người trong nước đều thờ phụng, mọi sự khẩn vái được thần đáp ứng như ý nguyện. Nay bỗng nhiên chứng kiến cây bị đốn, ai nấy đều vô cùng kinh ngạc. Những người không có lòng mến tin Phật pháp đồng loạt mắng: Sa-môn Thích tử thật là vô đạo, chỉ biết lợi cho mình mà làm tổn thương đến trời, người.

Người có lòng mến tin Phật pháp thì nói: Cây này có thần ở, mọi người đều kính sợ, ngày đêm đều khẩn nguyện không dám ngạo mạn xúc phạm, nay các Tỳ-kheo chặt cây không chút ngại ngùng. Nhưng rồi nơi cư ngụ ấy mọi sắc tâm vẫn an ổn như thường. Có thể nói vị thần ấy đã vô cùng kính trọng Tỳ-kheo.

Lời khen tiếng chê đồn đãi khắp nước, các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe được bằng mọi cách quở trách, rồi cùng đưa Xiển-đà đến chỗ Phật, trình bày sự việc lên Ngài. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Xiển-đà:

- Thật sự ông có làm như vậy không?

Xiển-đà thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn! Có thật như vậy.

Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách nghiêm khắc rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Do mười điều lợi, nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: “Nếu Tỳ-kheo có thí chủ, vì mình làm phòng xá, nên mời các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ. Các Tỳ-kheo nên chỉ chỗ không bị trở ngại, chỗ có đường đi. Nếu không mời các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ, phạm Tăng-già-bà-thi-sa”.

Có thí chủ: Là có người dâng cúng. Ngoài ra như trong giới không có thí chủ vừa rồi đã nói.

Xong giới thứ bảy

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ Vua Bình-sa hằng ngày theo thứ tự thỉnh năm trăm vị Tăng vào trong thành nội để thọ trai, thần dân cũng đồng thực hiện như vậy. Khi ấy, các Tỳ-kheo đều nghĩ đến việc hành đạo, chưa có người chuyên trách phân phối theo thứ lớp mời đi thọ trai. Lục quần Tỳ-kheo luôn luôn có mặt ở chỗ tốt ấy. Mọi người hỏi: Chúng con thỉnh Tăng theo thứ tự thọ trai, tại sao các Trưởng lão thường đến đây mà không thấy các vị khác? Họ chê khéo như vậy mà vẫn không chút tự trọng. Khi ấy, có người con của lực sĩ Đà-bà, tuổi mười bốn, xuất gia hành đạo, trong chỗ yên tịnh đã có suy nghĩ: Nay Vua Bình-sa, hằng ngày theo thứ tự thỉnh năm trăm vị Tăng thọ trai tại thành nội, thần dân cũng lại làm như vậy, song trong Tăng không có người chuyên trách phân phối việc thọ trai, nên đưa đến tình trạng Lục quần cứ lựa chỗ tốt mà đến, điều này làm mất sự ngưỡng vọng chung và làm lệch ý nghĩ của người tín thí. Nếu đến tuổi hai mươi, ta thọ giới Cụ túc, đắc A-la-hán, có được sáu thần thông, sẽ vì chúng Tăng làm người chỉ định Tăng đi phó hội và phân phối ngọ cụ. Đến tuổi mười sáu, Đà-bà thành tựu quả A-la-hán, đắc sáu thần thông, hai mươi tuổi thọ giới Cụ túc. Ý nghĩ thuở ấy lại khơi dậy trong Đà-bà: Trước đây ta nguyện vì chúng Tăng làm người sai Tăng phó hội và phân phối ngọ cụ, nay đã đến lúc làm việc đó. Đà-bà đi ngay đến thành Vương-xá, trước các Tỳ-kheo nói lên lời nguyện của mình trước đây. Vì lời nguyện này, các Tỳ-kheo bạch lên Phật. Đức Phật tập hợp các Tỳ-kheo Tăng, hỏi Đà-bà:

- Thật sự ông có muốn vì Tăng làm người sai Tăng phó hội, và phân phối ngọ cụ phải không?

Đà-bà thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn! Có thật như vậy.

Đức Phật bằng mọi cách khen hạnh thiếu dục, tri túc, khen ngợi giới, khen ngợi người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Nay cho phép Đà-bà vì Tăng làm người chỉ định Tăng phó hội và phân phối ngọ cụ. Tăng nên sai một Tỳ-kheo bạch nhị Yết-ma:

Đại đức Tăng xin lắng nghe, nay Tỳ-kheo Đà-bà này muốn vì Tăng làm người sai Tăng phó hội và phân phối ngọ cụ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo Đà-bà này muốn vì Tăng làm người sai Tăng phó hội và phân phối ngọ cụ. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin

nói.

Tăng đã chấp thuận Tỳ-kheo Đà-bà làm người sai Tăng phó hội và phân phối ngọ cụ rồi, Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thi hành như vậy.

Đà-bà với nhiệm vụ liền vì Tăng làm người sai Tăng phó hội và phân phối ngọ cụ. Người thiếu dục, tri túc thì ở cùng chúng thiếu dục, tri túc. Người lạc tịnh thì ở cùng chúng lạc tịnh. Người tụng Tu-đa-la thì ở cùng chúng tụng Tu-đa-la. Người trì luật thì ở cùng chúng trì luật. Người làm pháp sư thì ở cùng chúng pháp sư. Người tán tụng thì ở cùng chúng tán tụng. Người tu nơi A-lan-nhã thì ở cùng chúng A-lan-nhã. Người khát thực thì ở cùng chúng khát thực. Người ngồi thiền thì ở cùng chúng ngồi thiền. Như vậy, những người do tu hạnh khác nhau mà Đà-bà đã phân thành các chúng, tùy theo đặc điểm mà chỉ dẫn nơi ở và phòng xá. Tất cả các Tỳ-kheo đều được chỗ ở an ổn. Tỳ-kheo các nơi, hữu sự đến vào lúc xẩm tối cũng vội tới Đà-bà để xin chỗ tạm trú nghỉ ngơi. Đà-bà liền nhập Tam-muội Hỏa quang, tay bên trái phóng ra ánh sáng, tay bên phải chỉ chỗ ngọ cụ một cách trung thực hợp tình. Lúc ấy, các nơi xa xôi đều nghe tiếng Tỳ-kheo Đà-bà đã vì chúng Tăng thành Vương-xá làm người chỉ định Tăng phó hội và phân ngọ cụ đầy đủ đức độ như vậy, đều hăm hở thổ lộ ý nghĩ: Ta sẽ đến trú xứ ấy để thăm hỏi Đức Thế Tôn, luôn tiện diện kiến Đà-bà cũng như để được trông thấy thần lực của người. Với ý nghĩ như vậy, họ ra đi và đến thành vào lúc xẩm tối. Họ tới Đà-bà xin chỗ tạm trú. Như pháp, Đà-bà sắp xếp chỗ ở thích nghi. Và cũng như vậy, Đà-bà chỉ định họ theo thứ tự đến dự hội.

Bấy giờ, tại thành Vương-xá có trưởng giả Thiện-phạn đã thấy được pháp và đắc quả. Hằng ngày ông ta đích thân mời hai Tỳ-kheo về nhà cúng dường với thức ăn thượng vị. Phước đức tự thân của anh em Từ-địa đều mỏng, nên khi chia ngọ cụ cũng như mời đi thọ trai thường nhận thứ thô xấu và cấp bậc thấp. Điều may mắn lại đến, Từ-địa được Tăng sai đến nhà thí chủ này. Thiện-phạn biết rõ nên lại nảy ra ý nghĩ: Hai vị này là người ác, không có hạnh thanh tịnh, tại sao lại được nhận thức ăn thượng vị của ta cúng dường? Thiện-phạn liền lui tìm gặp vợ và căn dặn: Hôm nay bà chỉ nên làm thức ăn đơn giản, đạm bạc. Khi anh em Từ-địa đến, bên ngoài cửa đã có đĩa ở trái tòa phụ cụ để đón. Người vợ làm theo lời dặn của chồng, chuẩn bị thức ăn thô kém phẩm chất. Anh em Từ-địa đã đến lúc nên bưng bát tới, gia đình Thiện-phạn ngồi yên nơi tòa của mình. Đám nô tỳ ra dâng cúng thức ăn thô kém phẩm chất. Từ-địa thấy vậy hỏi: Này

chị em! Nhà này thường cúng dường bữa ăn rất ngon, tại sao nay lại cúng thức ăn thô dở thế này? Nô tỳ nói: Tôi là kẻ thấp hèn, làm sao biết được lý do ấy.

Ăn xong ra về, trên đường đi, Từ, Địa mắng thăm Đà-bà, con của Lực sĩ: Phên này cần cho Đà-bà một bài học đích đáng. Về đến trú xứ, trước các Thượng tọa, ta sẽ nói rõ việc này: Đà-bà con của Lực sĩ làm việc theo cảm tính: Yêu, ghét, giận, hờn, si mê, sợ hãi. Sợ ai thì cho đồ tốt, không sợ ai thì cho đồ xấu. Các Tỳ-kheo nói: Các thầy chớ nên nói những lời như thế, Tỳ-kheo Đà-bà nào có tùy tiện vì yêu, ghét, giận hờn, si mê, sợ hãi. Tạo sao vậy? Vì lẽ Tỳ-kheo Đà-bà đắc A-la-hán, đầy đủ sáu thần thông mà làm việc theo yêu, ghét, giận hờn, si mê, sợ hãi là điều không có cơ sở.

Từ, Địa nói: Chính vì đắc thần thông nên biết được nhà nào có thức ăn ngon, nhà nào có thức ăn dở, chỗ nào ngon thì dành cho người khác, chỗ nào dở thì sai chúng tôi đến, nên tôi kết luận là làm việc theo yêu ghét, giận hờn, si mê, sợ hãi. Nói như vậy chưa thỏa lòng, Từ-địa đến các nơi khác, việc hàng đầu là rêu rao nói xấu Đà-bà. Sau đó, Từ-địa đến thành Vương-xá để gặp người em gái tên là Di-đa-la là ni cô. Di-đa-la thấy hai anh đến ra nghinh đón đành lễ hỏi chào. Hai anh em Từ-địa đều không nói năng chi cả. Di-đa-la thưa: Em không nhớ có phạm điều chi, tại sao hai anh có thái độ thế này! Từ-địa trả lời: Em không giúp hai anh nên khiến cho Đà-bà làm khổ hai anh như vậy. Di-đa-la hỏi: Hai anh muốn em trợ giúp bằng cách nào? Từ-địa bảo: Em hãy giúp hai anh bằng cách đến chỗ Đức Phật thưa: “Kính bạch Thế Tôn, từ trong chỗ không có lo sợ, hốt hoảng, xoay ngược lại thành chỗ khủng bố, sợ hãi. Nay con không còn chỗ nào để tìm được sự an ổn! Đà-bà vốn được cho là người phạm hạnh, giờ đây đến xúc chạm làm hoen ố con, phạm Ba-la-di”.

Di-đa-la nói: Đà-bà thanh tịnh, nếu em hủy báng người thì ắt Tăng sẽ tác pháp Tự ngôn, đuổi em. Em đã xuất gia, cần phải có chỗ để nương tựa. Từ-địa nói: Hai anh sẽ làm chứng cho em để Đà-bà bị đuổi, làm gì có chuyện em bị tác pháp Tự ngôn và bị đuổi. Di-đa-la nói: Nếu Tăng đuổi Đà-bà thì ta đâu có được thêm gì khác? Hai anh Từ-địa nói: Điều cần là làm cho Thế Tôn ruồng bỏ và Đà-bà vì ta nên bị đuổi đi, tức ta không còn khổ. Hai anh sẽ được sống an lành với trú xứ. Cô em gái vì kính trọng hai anh nên không dám trái mạng. Di-đa-la đến chỗ Đức Phật và tố cáo như trên. Khi ấy, Đà-bà và La-hầu-la đang đứng hai bên

Đức Phật. Đức Phật hỏi Đà-bà: Ông có nghe Di-đa-la nói điều gì không? Đáp: Bạch Thế Tôn, con có nghe, nhưng điều đó Thế Tôn đã tự biết. Đức Phật hỏi ba lần như vậy và ba lần Đà-bà cũng trả lời như vậy. Với sự việc như thế, La-hầu-la bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! phiền gì phải ba lần hỏi Đà-bà, chỉ cần tấn xuất cô ni này là xong. Đức Phật hỏi lại: Nếu Di-đa-la sử dụng việc này để phỉ báng ông thì ông phải như thế nào đây?

La-hầu-la thưa: Con sẽ nói việc này Phật tự biết cho con. Đức Phật dạy: Ông có thể như thế song Đà-bà cũng lại nói như vậy được sao? Đức Phật dạy Đà-bà: Ông nên tự làm sáng tỏ vấn đề, nay không phải là lúc im lặng. Ông cần vận dụng kỷ ức của mình, có thì nói có, không thì nói không, không được tránh né, nói: Phật tự biết điều này. Đà-bà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục rồi quỳ gối chấp tay thưa: Kính Bạch Đức Thế Tôn! Từ khi con sinh ra đến nay dù là trong mộng con cũng chưa hề nghĩ tưởng đến việc này. Tại sao nay với sự việc như thế lại có được trong trí nhớ con? Đức Phật khen: Lành thay! Lành thay! Ông đã quả quyết tự biện minh. Người muốn tự biện minh nên nói như vậy. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nên trao cho Đà-bà Tỳ-ni Ưc niệm không nên cử tội, phải Bạch-tứ-yết-ma trao cho Di-đa-la pháp Tự ngôn diệt tận. Một Tỳ-kheo xướng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni Di-đa-la này tự nói Đà-bà làm nhiễm ô mình, nay Tăng trao cho phép Tự ngôn diệt tận. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni Di-đa-la này tự nói Đà-bà làm nhiễm ô mình. Nay Tăng trao cho phép Tự ngôn diệt tận. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng, nếu không đồng ý xin nói (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

Tăng đã đồng ý trao cho Tỳ-kheo-ni Di-đa-la pháp Tự ngôn diệt tận rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Tỳ-kheo-ni Di-đa-la sau khi bị diệt tận, lê bước lang thang vào nhân gian. Anh em Từ-địa vẫn giọng điệu cũ nói với các Tỳ-kheo: Đà-bà con của Lực sĩ phá hoại phạm hạnh của em tôi cho nên đưa đến sự việc như vậy. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Đức Phật nhân việc này tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Các thầy phải phối kiểm lại và hỏi Từ-địa: Ông nói Đà-bà phá hoại phạm hạnh của em ông là thật hay là hư dối? Các Tỳ-kheo làm theo sự chỉ giáo, hỏi Từ-địa, Từ-địa trả lời: Điều tôi nói là sự thật. Tăng lại hỏi: Ông thấy khi nào, thấy chỗ nào, vì sao thấy? Từ-địa trả lời: Tôi thấy chỗ đó, tôi thấy khi đó, tôi thấy



như vậy. Tăng hỏi tiếp Đà-bà: Khi ấy thầy ở chỗ nào? Đà-bà nói: Tôi ở chỗ đó. Tăng lại hỏi Từ-địa: Địa điểm không tương ứng, thời gian không tương ứng, tại sao ông nói chỗ đó, lúc đó, thấy như vậy? Tăng lại dùng lời thức tỉnh Từ-địa: Nếu đối trước một vị Tỳ-kheo kiên tín mà nói dối thì tội nặng như giết hại vô số chúng sinh. Đối trước một vị kiên pháp nói dối tội của vị này thì tội nặng gấp một trăm lần đối với vị kiên tín. Như vậy, đối trước Tăng mà cứ lần lượt nói dối thì tội của ông nặng như đối với một trăm vị A-la-hán. Tăng lại vặn hỏi Từ-địa: Nay Tăng quy tụ về hội họp không tùy thuộc yêu ghét, giận hờn, si mê, sợ hãi, thì điều này ông bảo là sự thật hay là hư dối? Từ-địa nói: Đà-bà làm theo yêu ghét, giận hờn, si mê, sợ hãi nên tôi phải nói như vậy. Các Tỳ-kheo bằng mọi lý lẽ sắc bén, bằng sự quả trách nghiêm khắc, rồi cùng đưa Từ-địa đến chỗ Đức Phật để trình bày sự việc. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Từ-địa: Thật sự ông đã dùng Ba-la-di không căn cứ để hủy báng Đà-bà phải không? Từ-địa thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Thật vậy. Đức Phật bằng nhiều hình thức quả trách: Ông là người ngu si, tại sao lại dùng Ba-la-di không căn cứ để hủy báng Tỳ-kheo phạm hạnh thanh tịnh? Ông há không nghe về ba hạng người bị đọa vào địa ngục: Một là người phạm giới, không có pháp của Sa-môn mà tự nói mình có, không tu phạm hạnh mà tự nói mình tu. Với hạng người này là giặc trong Phật pháp. Hai là hạng người hành động như vậy, thấy như vậy, nói dâm dục không phải là điều xấu rồi làm việc phóng dật. Ba là hạng người dùng Ba-la-di không căn cứ để hủy báng vị Tỳ-kheo phạm hạnh thanh tịnh. Ba hạng người này chắc chắn bị đọa vào địa ngục. Tại sao nay ông lại làm việc ác này? Đức Phật quả trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi, ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***“Tỳ-kheo nào tự mình không biết pháp, vì xấu ác giận dữ nên dùng Ba-la-di không căn cứ để hủy báng Tỳ-kheo không phạm Ba-la-di, muốn phá hoại phạm hạnh của vị kia. Sau đó Tỳ-kheo này, hoặc có người hỏi, hoặc không có người hỏi, nói: Việc này là không căn cứ vì giận dữ nên tôi hủy báng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa”***.

*Tự mình không biết pháp:* Tự mình làm mọi việc không như pháp.

*Xấu ác giận dữ:* tức là chín phiền não.

*Không căn cứ:* Không thấy, không nghe, không nghi.

*Người không phạm Ba-la-di:* Tức là người đối với bốn

Ba-la- di  
không phạm một tội nào.

*Muốn phá phạm hạnh của vị kia:* Là muốn khiến cho vị kia hoàn  
tục hay làm ngoại đạo.

*Thời gian sau hoặc có người hỏi hoặc không có người hỏi:*  
Nghĩa là sau đó tự kiểm nghiệm lại chỗ nào, khi nào, thấy thế nào.

Sự việc có bốn thứ: Ngôn tránh sự (Sự tranh cãi do lời nói),  
Giáo



giới tránh sự (Sự tranh cãi do chỉ dẫn), Phạm tội tránh sự (Sự tranh cãi do phạm tội, Sự tránh sự (Sự tranh cãi do sự việc).

Nếu Tỳ-kheo không thấy, không nghe, không nghi người khác phạm Ba-la-di mà dùng pháp này hủy báng thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Thấy mà nghi, nghe mà nghi, nghi mà nghi, thấy mà quên, nghe mà quên, nghi mà quên, rồi dùng pháp không căn cứ để hủy báng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người nghe sự hủy báng mà hiểu rõ thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không hiểu rõ phạm Thâu-lan-giá.

Nếu viết thư, sai sử, ra dấu hiệu, nói lời tương tự, dùng lời bằng tay để hủy báng mà người hiểu rõ, phạm Thâu-lan-giá, không hiểu rõ, phạm Đột-kiết-la. Nếu hủy báng Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni hủy báng Tỳ-kheo-ni phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Hủy báng Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề, hủy báng Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni hủy báng năm chúng đều phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ tám

-----

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà, do vì Tỳ-kheo Đà-bà là bậc đạt thần thông có oai đức lớn, nên thường tới lui thăm viếng, rồi cùng trong một trú xứ ngồi để nghe pháp. Từ-địa thấy vậy nên tìm cách phỉ báng. Nhân một bữa nọ, từ trên núi Kỳ-xà-quật đi xuống, Từ-địa thấy hai con khỉ ôm nhau giao hợp, lại nảy sinh ý nghĩ: Nay ta nên mượn bối cảnh hai con khỉ này đặt tên con đực là Đà-bà, con cái là Thâu-la-nan-đà. Làm theo ý nghĩ, Từ-địa nói với các Tỳ-kheo Trưởng lão: Trước đây tôi dùng pháp không căn cứ hủy báng Đà-bà, nay chính tôi thấy Đà-bà cùng Thâu-la-nan-đà làm hạnh bất tịnh. Các Tỳ-kheo đem vấn đề này bạch Phật, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo nên tập hợp Tăng để kiểm vấn Từ-địa: Ông nói trước đây ông dùng pháp không căn cứ phỉ báng Đà-bà, nay chính ông thấy Đà-bà cùng Thâu-la-nan-đà làm hạnh bất tịnh là sự thật hay là hư dối? Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, tập hợp Tăng rồi hỏi Từ-địa... cho đến câu: Ông nói đó là sự thật hay là hư dối (như trên đã nói). Để trả lời cho câu hỏi này, Từ-địa nói: Thật sự tôi không thấy Đà-bà làm hạnh bất tịnh. Tôi chỉ thấy Thâu-la-nan-đà thường tới lui chỗ Đà-bà, vì muốn phỉ báng nên mượn bối cảnh hai con khỉ giao hợp tôi đã thấy khi

từ trên núi Kỳ-xà-quật đi xuống. Tôi tạm gọi con khỉ đực là Đà-bà và con khỉ cái là Thâu-la-nan-đà rồi kết luận: Chính tôi thấy hai người làm hạnh bất tịnh mà thôi. Các Tỳ-kheo bằng mọi cách quở trách: Tại sao với phần việc khác nhau, ông lại lấy ra một mẫu nhỏ hay một khía cạnh tương tự rồi quy kết là Ba-la-di để phỉ báng Tỳ-kheo không phạm Ba-la-di? Các Tỳ-kheo cùng đến chỗ Đức Phật để trình bày lên Ngài sự việc. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Từ-địa: Thật sự ông có như vậy không? Từ-địa thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật con có như vậy. Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách nghiêm khắc rồi, bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi, nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***“Tỳ-kheo nào tự thân không như pháp vì giận dữ, ác ý, từ trong phần khác lấy ra một khía cạnh nhỏ hay một khía cạnh tương tự rồi quy kết Ba-la-di để phỉ báng Tỳ-kheo không phạm Ba-la-di, nhằm phá hoại phạm hạnh của vị kia. Thời gian sau, Tỳ-kheo này, hoặc có người hỏi hoặc không có người hỏi, tự nói: Việc này vì tôi giận nên từ trong phần khác lấy ra một phần nhỏ hay một khía cạnh tương tự để phỉ báng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa”***.

Sự là Ngôn tránh sự, Giáo giới tránh sự, Phạm tội tránh sự, Sự tránh sự. Nếu Tỳ-kheo thấy người khác phạm Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc khi nhập định tưởng họ phạm Tăng-già-bà-thi-sa, vì giận dữ, trong phần sự khác lấy một mảnh hoặc tương tự một mảnh để phỉ báng Tỳ-kheo không phạm Ba-la-di thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nghe, nghi cũng như vậy. Thấy, nghe, nghi người khác phạm Thâu-lan-giá, phạm Ba-dật-đề, phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni, phạm Đột-kiết-la. Dùng Ba-la-di phỉ báng cũng như vậy. Ngoài ra như trên đã nói.

Xong giới thứ chín.

-----

Đức Phật ở trong rừng cây A-nậu thuộc ấp Di Na. Khi ấy, các quý tộc thuộc giòng họ Thích, nhiều người đến với Đức Phật xuất gia học đạo. Không bỏ lỡ thời gian, Thích-ma-nan nói với A-na-luật: Nay các quý tộc đều xuất gia tu phạm hạnh, tại sao riêng anh em chúng ta không xuất gia? Nếu ta xuất gia thì người coi ngó việc nhà. Nếu người xuất gia thì ta ở nhà lo liệu. A-na-luật nói: Anh cứ đi xuất gia, em sẽ lo liệu việc nhà. Thích-ma-nan nói: Trước đây, việc nhà có anh lo, em chỉ thọ hưởng sung sướng, đâu có biết gian nan cực nhọc là gì. Tuy nhiên, xuất gia hành đạo, điều cực khổ cũng đâu là kém. Nay em ở nhà thì anh phải chỉ vẽ em phương pháp quản lý gia nghiệp. Cách quán xuyên mọi việc

nghe anh nói đây: Ban ngày phải thích ứng ra sao, ban đêm phải làm gì, phương pháp làm ruộng, mua bán, điều hành người ăn kẻ ở, tất yếu phải khôn khéo dùng lời như vậy. A-na-luật nói: Nếu quản lý gia nghiệp mà phải như vậy mới có được kết quả thì một ngày em cũng không thể quản lý nổi, thôi anh ở nhà, em sẽ đi xuất gia. Thích-ma-nan nói: Pháp của chư Phật Thế Tôn, cha mẹ không cho phép thì không được tu đạo, nay em phải đến xin phép mẹ, tự mình nói lên ý nguyện này. Trước mẹ, A-na-luật giải bày lời xin: Thưa mẹ, con muốn vì Phật pháp mà xuất gia học đạo. Bà mẹ trả lời: Mẹ chỉ có hai anh em con, tình mẹ thương yêu hai con quá sâu đậm, làm sao sống mà xa lìa nhau được! Nhà mình rất giàu có, thích hợp với việc tu công đức, con phiền gì phải xuất gia, để làm đau lòng mẹ! A-na-luật tha thiết cầu xin đến lần thứ ba, bà mẹ bèn nói: Nếu Vua Bạt-đề xuất gia thì mẹ cũng đồng ý cho con xuất gia. Đã từ lâu Vua Bạt-đề cùng A-na-luật, A-nan, Nan-đề, Điều-đạt, Bà-bà, Kim-tỳ-lô v.v... rất nặng tình thương mến, nên có làm việc gì, thề không trái ý nhau. Với ý của mẹ như thế, A-na-luật đến ngỏ lời lên Vua Bạt-đề: Nay tôi có chút ước nguyện, ước nguyện này chỉ tìm thấy từ lời thề của Vua là chúng ta đã long trọng thề không làm trái ý, nếu làm trái nhau thì đầu bị vỡ thành bảy mảnh. Vua nói: Chỉ khiến lời nguyện của khanh tất phải thuận hợp với lời thề. A-na-luật liền đem ý kiến của mẹ mình trình bày lên Vua Bạt-đề. Nhà Vua nghe xong nói: Ý nguyện của khanh tôi chưa có thể làm liền được. Tại sao vậy? Tôi nguyện làm Vua, cái quả này ngày nay tôi mới bắt đầu. Thân tộc tôi giàu sang không có việc gì để lo cả, làm sao có thể bỏ nếp sống này để xuất gia học đạo?

A-na-luật nói: Nếu Vua xuất gia thì nguyện tôi mới toại, tham đắm sự phồn vinh thì tôi phải trầm luân lâu dài, xin Vua suy nghĩ kỹ đừng để trái với lời thề trước kia. Vua Bạt-đề nói: Tôi sẽ làm theo nguyện của bạn, nhưng để cho tôi sau bảy năm, tôi sẽ cùng bạn xuất gia học đạo. A-na-luật nói: Sau bảy năm chắc gì Đức Phật còn tại thế?! Hơn nữa mạng sống của tôi khó có thể bảo đảm được. Tại sao nay Vua lại nêu ra kỳ hẹn này? Vua Bạt-đề nói: Bảy năm, nếu có lâu thì sáu năm có thể được chăng? A-na-luật cũng trả lời như trên, lại hẹn năm, bốn, ba, hai đến còn một năm, rồi từ bảy tháng đến còn một tháng, từ bảy ngày đến còn một ngày đều cũng như vậy. Nhà Vua nói: Chúng ta là Trưởng giả đâu có thể đi một cách đột xuất như vậy. Chúng ta cần phải chuẩn bị đầy đủ phương tiện, xa giá hết sức trang nghiêm để du hành, nhân đó mới thực hiện chí nguyện được. Bây

giờ bạn có thể nói ý định này với A-nan-đà v.v... A-na-luật liền thông tin cho năm người bạn. Năm người bạn rất hân hoan tâm đầu ý hợp. Ngay trong đêm đó, bốn binh chủng được trang bị hoàn tất. Một sự trang hoàng hết sức lộng lẫy, oai nghiêm, vào lúc trời vừa sáng, đoàn người ra khỏi thành du hành... Cuối cuộc du hành thưởng lãm, Ưu-ba-ly người thợ cạo tóc được mật báo... Bảy người rời khỏi đoàn tùy tùng đến một nơi hẻo lánh, vắng vẻ, ẩn mình rồi cử y phục quý giá biếu cho người thợ cạo, nhờ ông ta cạo tóc, cải đổi y phục lên đường xuất gia. Bảy người đi chưa bao lâu, Ưu-ba-ly giựt mình nghĩ ngợi: Các hào tộc giòng họ Thích hùng cường, nếu biết ta cạo đầu cho bảy người này, chắc họ sẽ giết ta. Hơn nữa, các quý tộc này còn bỏ nhà đi xuất gia, nay ta tại sao không bỏ đồ nghề hớt tóc và các y phục quý giá này để xuất gia? Không do dự, Ưu-ba-ly liền cạo đầu, rồi đem các y phục quý treo nơi gốc cây, với ý nghĩ, ai cần thì lấy, rồi đi thật nhanh, không bao lâu đuổi theo kịp bảy người và nói: Nay tôi cũng muốn theo quý vị để xuất gia. Bảy người kết nạp ngay. Họ cùng nhau đi đến chỗ Đức Phật, đầu mặt đánh lễ sát chân, rồi thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Nay chúng con muốn xuất gia tịnh tu phạm hạnh, riêng Ưu-ba-ly là người nô bộc của chúng con, xin Ngài độ cho ông ta thọ giới Cụ túc trước, sau đó mới độ chúng con, điều cần phải như thế để cho chúng con và các Thích chủng phá tâm kiêu mạn đối với Ưu-ba-ly. Đức Phật liền độ Ưu-ba-ly trước, độ bảy người sau.

Ngay sau thời gian này, Đức Thế Tôn có những suy nghĩ: Thành Ca-duy-la-vệ cách đây không xa, các giòng họ Thích biết được có thể gây trở ngại. Đức Phật cùng đưa tám người đến thành Bạt-đề-la. Dưới tàng cây Vông Lâm, Đức Phật đã vì họ nói pháp diệu: nhân vô thường, sắc vô thường, nhân thức, nhân xúc, nhân xúc làm nhân duyên sinh thọ vô thường. Cho đến ý vô thường, pháp vô thường, ý thức, ý xúc, ý xúc nhân duyên sinh thọ vô thường. Các người là Thánh đệ tử nên phải thực hiện quán sát như vậy, sinh tâm chán lìa, sở đắc trí tuệ giải thoát, chỗ phải làm đã làm xong, phạm hạnh đã lập, không thọ thân sau. Sau khi nghe thuyết pháp, có sáu người đoạn hết lậu hoặc, đắc A-la-hán. A-nan vì hầu Phật nên các lậu hoặc không đoạn hết, Điều-đạt, người duy nhất không thu được điều gì.

Vua Bạt-đề sau khi đắc quả A-la-hán, tâm tịnh không có sợ sệt, hoặc tọa thiền hay kinh hành dưới tàng cây hay nơi vắng vẻ, tự thân liền được sự vui sướng thanh thản đã thốt lên lời: Thích thay! Vui thay! Âm thanh này được một Tỳ-kheo khác nghe được, tác ý nghĩ: Chắc Tỳ-kheo Bạt-đề nhớ đến niềm vui

thế tục, không vui với phạm hạnh nữa. Ngay sau đó, vị ấy đến bạch Phật: Con đã hướng về Bạt-đề và nghe vị này nói: Thích thay! Vui thay! Chắc ông ta nhớ lại niềm vui khi còn làm Vua, không thích sống phạm hạnh. Đức Phật bảo Tỳ-kheo ấy gọi Bạt-đề đến đây. Vị kia đến chỗ Bạt-đề nói: Đại sư gọi thầy. Bạt-đề đến gặp Phật, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Đức Phật hỏi Bạt-đề: Sự thật ông có nói: “Vui thay” hay không? Bạt-đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Thật sự con có nói “Vui thay”. Đức Phật lại hỏi Bạt-đề: Ông nói “Vui thay” với ý nghĩa như thế nào? Bạt-đề thưa: Xưa kia ở tại gia, con sống trong bảy lớp thành vây bọc, bảy hàng voi, bảy hàng ngựa, bảy hàng xe, bảy hàng bộ binh, bốn binh chủng bao quanh, ấy vậy khi nghe một âm thanh khác lạ thì lòng kinh sợ, lông tóc dựng ngược. Nay ở dưới tàng cây, nơi đất trống mà thân nhiên không chút lo sợ nên con đã phải nói lớn “Vui thích” là vậy! Đức Phật bảo Tỳ-kheo kia: Bạt-đề đã đắc A-la-hán, mà không vui với nếp sống phạm hạnh là điều không hề có. Từ Bạt-đề, bấy giờ Đức Phật nói kệ:

*Vui thay! A-la-  
hán Không còn ân ái  
buộc Phá được dục,  
sân, si Xóa bỏ lưới  
kiết sử.*

*Niết-bàn đã đến  
nơi Đâu còn tâm uế  
trước Nhiễm đấm nơi  
thế gian Giải thoát dứt  
các lậu. Năm ám tường  
tận rõ Bảy rừng pháp  
du hành Chỗ đi của  
rồng lớn Chế phục mọi  
sợ hãi.*

*Thành tựu mười  
thứ đức Vua đức Tam-  
muội thiên Mọi hữu lậu  
đã sạch*

*Là đệ nhất thế  
gian. Bất động không  
sợ hãi*

*Không thọ nhận  
thân sau Tịch diệt, đều  
dứt sạch Báo khổ, lạc  
hằng không. Vững vàng*

*trí vô học Thân này,  
thân sau cùng Phạm  
hạnh kiên cố lập Không  
đâu mà không tin.*

*Khấp cả thế  
gian này Còn đâu  
các đục lặc Vang  
lừng sư tử gầm Nào  
ai hơn Đức Phật.*

Sự việc Điều-đạt: Đức Thế Tôn cùng các Đại đức Thanh văn nhận lời mời của Long vương A-nậu-đạt. Điều-đạt chưa đắc thần thông nên không thể đi được, xấu hổ vô cùng, do vậy nảy sinh ý nghĩ: Nay ta cần phải tìm pháp học tu thần thông. Điều-đạt đến bạch Phật: Cúi xin Phật vì con dạy pháp tu thần thông. Đức Phật hướng dẫn, Điều-đạt thọ giáo. Trong thời gian an cư, Điều-đạt đắc thần thông. Với kết quả thu hoạch được, Điều-đạt tư duy: Ai nên giáo hóa trước. Điều-đạt nghĩ ngay đến thái tử con Vua Bình-sa tên là Chúng Lạc, cần dẫn dắt người này trước, rồi sau mới chỉ bày cho những người khác. Làm theo ý nghĩ, Điều-đạt tức thì mất dạng khỏi Vãng lâm. Trên giường của thái tử, Điều-đạt hiện thành một đứa trẻ nít nằm ngửa, mút ngón tay. Thái tử thấy thế vô cùng hoảng sợ, hỏi: Người là trời hay là quỷ thần? Đứa trẻ trả lời: Tôi là Điều-đạt, đừng nên sợ sệt chi cả! Thái tử nói: Nếu là Điều-đạt thì nên hiện nguyên hình trở lại. Đứa trẻ liền biến thành Điều-đạt, đầy đủ oai nghi như cũ. Thái tử hoan hỷ, tôn Điều-đạt làm thầy, hằng ngày đích thân đến thăm hỏi, đem theo năm trăm chiếc xe. Điều-đạt lại hóa thành năm trăm đứa trẻ nằm ngửa, mút ngón tay trên mỗi xe. Thái tử lại dùng năm trăm chiếc xe chở từng loại thức ăn sang trọng, ngon lành đến cúng dường. Bấy giờ, người các nước rất thán phục cùng bảo nhau: Điều-đạt có Đại thần lực nên mới biến hóa được như vậy, khiến thái tử hằng ngày đến thăm hỏi, cúng dường quá nhiều các loại thức ăn ngon bổ. Về phía Điều-đạt đã không tự lượng sức mình, nên cứ làm theo ý muốn, chiêu dụ, bảo bọc, nuôi dưỡng đồ chúng. Lúc ấy, Đức Thế Tôn rời Vãng Lâm đi vào nhân gian du hành hóa độ, đến nước Câu-xá-di, trú ngụ trong vườn Cù-sư-la. Khi ấy, Tôn giả Mục-liên an trú ở một nơi vắng vẻ. Tại nước này, trước đây có con của Kiều-trần-như tên là Kha-hư, tịnh tu phạm hạnh đắc quả A-na-hàm, sinh lên cõi trời Phạm thiên. Nửa đêm lúc tĩnh lặng, từ cõi trời giáng hạ, phóng ra ánh sáng rực rỡ, đến chỗ Tôn giả Mục-liên, đầu mặt kính lễ



sát chân rồi có lời thưa báo với Tôn giả Mục-liên như sau: Nay Điều-đạt giáo hóa thái tử Chúng Lạc, hiện các thần thông biến hóa. Sợ rằng Điều-đạt đã chiêu dẫn, nuôi dạy đồ chúng, với ý muốn nhằm phá hòa hiệp Tăng. Vừa dứt lời thưa, Kha-hưu nhanh như chớp biến mất. Trời vừa sáng, Tôn giả Mục-liên y phục chỉnh tề đến thẳng chỗ Đức Phật, trình bày lên Ngài các sự việc về Điều-đạt mà Kha-hưu đã thưa báo. Đức Phật hỏi Tôn giả Mục-liên ý ông thế nào? Nên cứu xét lời của Kha-hưu nói hay không? Tôn giả Mục-liên thưa: Ý con là như vậy. Đức Phật bảo Mục-liên: Không nên nói lời ấy. Tại sao vậy? Khắp thế gian này Ta không thấy Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma phạm nào có thể thống lãnh đồ chúng của Phật. Đức Phật lại bảo Mục-liên: Ở đời có năm hạng thầy, hiện nay đều có mặt:

1. Giới không thanh tịnh, tự nói thanh tịnh. Các đệ tử của họ đều biết sự thật, nhưng che giấu tội lỗi của thầy để mong cầu lợi dưỡng.
2. Tà mạng dua nịnh dối trá, tự nói mình chánh trực. Các đệ tử cũng che giấu điều đó.
3. Nói điều bất thiện, tự nói là lời thiện nên các đệ tử vui mừng cho là thiện.
4. Hiểu biết không thanh tịnh, tự nói là thanh tịnh, nên các đệ tử hết lời ca tụng hiểu biết ấy là tịnh.
5. Nói lời không phải pháp luật, lại nói là pháp luật nên các đệ tử cũng nói theo là đúng pháp, vì thế không thể thuyết phục được kẻ trí chấp nhận tin theo. Nay Mục-liên! Giới của Như Lai thanh tịnh, không có dối trá, đâu nói lời bất thiện, chỗ thấy, chỗ hiểu biết thanh tịnh, điều nói ra như pháp, kẻ trí chấp nhận tin tưởng, không cần đệ tử hòa theo che giấu và khen ngợi.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo khác ở thành Vương-xá an cư xong, mặc y mang bát đến chỗ Đức Phật, bạch: Bạch Đức Thế Tôn! Điều-đạt giáo hóa Thái tử Chúng Lạc, hiện làm một đứa trẻ... cho đến cúng dường các thức ăn ngon bổ. Đức Phật bảo: Nay Tỳ-kheo! Đừng ham muốn theo kiểu Điều-đạt làm các biến hóa đó... để có được lợi lộc cúng dường. Sự cung kính cúng dường ấy nếu có càng làm tăng gánh nặng nơi đê mê dài sinh tử thọ các thống khổ mà thôi. Cũng như con chó dữ, dùng gậy đánh nó, nó càng thêm dữ. Điều-đạt cũng như vậy, nhận được nhiều phẩm vật cúng dường, phiền não càng nhanh chóng tăng lên. Đức Thế Tôn muốn lập lại ý nghĩa ấy nên nói kệ:

*Người ngu tăng  
điều ác Ác sinh từ lợi  
dưỡng Người si đoạn  
pháp thiện Như đầu lia*



*khởi thân.*

*Không tu hạnh  
thanh tịnh Lại muốn  
chiêu dạy Tăng Muốn  
ngồi trên mọi người*

*Vọng cầu mọi kính  
quy. Có người cầu lợi  
dưỡng Có người cầu  
Niết-bàn Lợi dưỡng hại  
pháp thiện Tịch diệt trừ  
xan tham.*

Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo: Cây chuối, cây trúc, cây lau do trái mà chết. Con Cự lư mang thai cũng bỏ mạng. Nay Điều-đạt tham cầu lợi dưỡng cũng như vậy. Đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, nói kệ như sau:

*Do buông, cây  
chuối chết Do trái, trúc  
lau diệt  
Cự lư ôm  
thai chết Kẻ sĩ  
mất vì tham.*

Nối tiếp sự việc: Rời nước Câu-xá-di, Đức Thế Tôn trên bước đường du hành đã đến thành Vương-xá, trú ngụ trong núi Kỳ-xà-quật. Ngài được các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, quốc vương, Đại thần, Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí, Cư sĩ cung kính tôn trọng, tán thán và cúng dường thức ăn, y phục, ngọc cụ và thuốc men. Giống như bông sen, Ngài không hề đắm trước. Lúc ấy, ở giữa một rừng người đủ mọi tầng lớp vây quanh lắng nghe Ngài thuyết pháp, Điều-đạt từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, để trống vai bên phải, đầu mặt đánh lễ sát chân, quỳ gối chấp tay bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Cúi xin Ngài ở yên trong sự an lạc, từ nay cho con xin được lãnh đạo xử lý việc chúng Tăng. Đức Phật nói với Điều-đạt: Xá-lợi-phất, Mục-liên còn chưa thể thống lãnh đồ chúng của Ta, huống nữa ông là người ngu si, như loại đờm dãi! Bị quả trách, Điều-đạt lòng đầy phần hận nghĩ: Tại sao Đức Thế Tôn đối trước đại chúng lại nhục mạ ta thậm tệ như thế! Do tâm ác ấy nảy sinh nhắm đến Đức Phật nên Điều-đạt bắt đầu tổn giảm thân tức. Điều-đạt lại nghĩ: Đức Phật khen ngợi Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên mà nhục mạ ta. Điều-đạt lần nữa sinh tâm ác đối với Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, nên thân tức của Điều-đạt lại bị tổn giảm lần thứ hai. Điều-

đạt trở về nơi cư ngụ của mình. Vây quanh nghe Điều-đạt thuyết pháp là quốc vương và đông đảo quần chúng. Trong số người đông đảo kia có một Tỳ-kheo đến bạch Phật: Nay quốc vương và rất đông quần chúng vây quanh Điều-đạt để nghe nói pháp. Đức Phật bảo: Nay Tỳ-kheo, Điều-đạt không những đời này có được đại chúng mà đời quá khứ đã từng có được số đông Tỳ-kheo vây quanh.

Về đời quá khứ xa xưa, có một Ma-nạp ở trong hang núi, tụng đọc sách sát lợi. Một con cáo đồng ở sát cạnh đó đã chuyên chú nghe tụng sách ấy nên nơi tâm có được sự tỏ rõ, rồi nghĩ ra được điều này: Như chỗ ta hiểu lời văn trong sách này, đủ để làm Vua trong các loài thú. Từ ý niệm đã có, con cáo đồng liền lên đường. Trên đường du hành, nó gặp một con cáo đồng khác ốm yếu, muốn giết quách. Con cáo kia nói: Tại sao giết tôi? Liền đáp: Ta là Vua của loài thú, người không thần phục ta thì bị giết ngay. Con cáo kia vâng lời: Xin ông đừng giết tôi, tôi xin làm kẻ tùy tùng ông. Thế là hai con cáo cùng nhau lên đường. Lại gặp một con cáo khác, chúng cũng muốn giết ngay. Hai bên đối đáp như trên. Con cáo kia lại ngỏ lời xin được tùy tùng. Cứ như thế lần lượt nó hàng phục tất cả loài cáo. Lại dùng bầy cáo hàng phục tất cả voi. Lại dùng loài voi hàng phục hổ. Lại dùng loài hổ hàng phục tất cả sư tử. Con cáo đồng kia tạm thời được làm Vua trong loài thú. Đã được làm Vua rồi lại nảy sinh ý nghĩ: Nay ta đã là Vua trong loài thú, thì không nên lấy loài thú làm vợ. Nó hành động ngay trên lưng voi chúa trắng, vây quanh nó là vô số loài thú, nó ra lệnh vây hãm ngàn vòng thành Ca-di. Nhà Vua sai sứ hỏi: Các người là loài thú, tại sao làm như vậy? Con cáo đồng kia trả lời: Ta là Vua các loài thú, nên cần cưới con gái của nhà Vua. Nếu ông thuận ý ta thì tốt lắm, bằng không, ta sẽ tiêu diệt nước ông. Sứ thần về báo như vậy. Nhà Vua tập hợp quần thần lại để cùng nhau nghị bàn. Chỉ trừ một vị quan, số còn lại đều có ý kiến là nên gả. Tại sao vậy? Vì lẽ quốc gia chỉ nương vào uy sức của voi ngựa, ta có voi ngựa, đối phương lại có sư tử. Voi ngựa nghe tiếng gầm của sư tử đều khiếp vía, nằm sát đất, do vậy chiến cuộc không chắc chắn thắng được, sẽ bị các loài thú tiêu diệt, đâu chỉ vì một người con gái mà để cho quốc gia bị tiêu vong. Khi ấy, vị Đại thần thông minh đầy mưu lược kia tâu với nhà Vua: Xưa nay thần chưa hề nghe thấy có một con gái của nhà Vua nào đem gả cho loài thú thấp hèn. Thần tuy yếu đuối

thật nhưng thần xin giết cho kỳ được con cáo nọ, khiến bầy thú kia đều phải chạy tán loạn. Nhà Vua hỏi: Mưu kế ra sao khanh đề xuất đi? Vị Đại thần tâu: Nhà Vua chỉ nên sai sứ hẹn ngày đánh nhau. Trước khi giao chiến, Vua yêu cầu Vua thú một điều, đó là ra lệnh sứ tử đánh trước rồi mới gằm sau. Chúng nó tưởng ta sợ nên nhất định cho sứ tử gằm trước rồi đánh sau. Đến ngày giao chiến, nhà Vua phải ra lệnh trong thành, mọi người đều nhét lỗ tai lại. Nhà Vua áp dụng mưu kế này, sai sứ hẹn ngày giao chiến và yêu cầu điều trên. Trước khi giao chiến, nhắc lại đề nghị trên rồi mới xuất quân. Khi trận chiến bắt đầu, quả thật chàng cáo kia ra lệnh cho sứ tử gằm rống trước, nghe tiếng sứ tử gằm rống, trái tim chàng cáo vỡ làm bảy mảnh, chết từ trên lưng voi và rớt ào xuống đất, ngay lúc ấy các loài thú tán loạn, tẩu thoát. Nhân việc này, Đức Phật nói kệ:

*Cáo đồng lắm  
kiêu mạn Muốn tìm  
câu vây cánh Kéo đến  
thành Ca-di Tự xưng  
là Vua thú.*

*Người kiêu mạn  
cũng vậy Muốn thống  
lãnh đồ chúng Tại nước  
Ma-kiệt-đà*

*Tự xưng là pháp chủ.*

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Vua Ca-di thuở ấy, nay chính là Ta. Vị Đại thần thông tuệ đó, nay là Xá-lợi-phất, Vua thú cáo đồng kia là Điều-đạt hiện nay. Nay các Tỳ-kheo! Xưa kia Điều-đạt đối trá để được thuộc hạ vây cánh, nay cũng như vậy. Nay Xá-lợi-phất! Ông nên đến trong chúng của Điều-đạt công bố như sau: Ai chấp nhận năm pháp của Điều-đạt thì người ấy sẽ không thấy Phật, Pháp, Tăng. Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: Xưa kia, con đã từng khen ngợi Điều-đạt, làm sao nay con lại chê bai được? Đức Phật dạy: Trước kia ông khen ngợi là đúng sự thật hay không? Xá-lợi-phất thưa: Là đúng sự thật! Đức Phật dạy: Nay, Điều-đạt là người đáng chê, ông chê, cũng là đúng sự thật. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay nên bạch nhị Yết-ma để sai Xá-lợi-phất đến trong chúng của Điều-đạt tuyên bố lời chê trách này. Một Tỳ-kheo bạch:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng sai Tôn giả Xá-lợi-phất đến trong chúng của Điều-đạt công bố: Nếu vị nào chấp nhận năm pháp của Điều-đạt sẽ không thấy Phật, Pháp, Tăng.

Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng sai Tôn giả Xá-lợi-phất phát đến trong chúng của Điều-đạt công bố: Nếu vị nào chấp nhận năm pháp của Điều-đạt sẽ không thấy Phật, Pháp, Tăng. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng, vị nào không đồng ý thì nói.

Tăng đã đồng ý sai Tôn giả Xá-lợi-phất rồi, Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Thi hành như vậy nên Tôn giả Xá-lợi-phất đến thẳng trong chúng của Điều-đạt đồng dục xướng lên: Nếu vị nào chấp nhận năm pháp của Điều-đạt sẽ không thấy Phật, Pháp, Tăng. Khi ấy, trong chúng hội của Điều-đạt mọi người đều la lớn: Sa-môn Thích tử lại ganh ghét với nhau, thấy Điều-đạt nhận được nhiều phẩm vật cúng dường nên ganh ghét nói như thế. Bấy giờ, Vua Bình-sa cũng ở trong chúng ấy tuyên lệnh: Đừng nói như vậy. Tại sao? Chúng đệ tử Phật thanh tịnh, không có vấn đề ganh ghét như thế. Ngay lúc ấy, Điều-đạt nói với chúng: Ai muốn thấy hoa Mạn-đà-la trên cõi trời? Cả chúng đều nói, muốn thấy. Điều-đạt liền biến mất dạng trước chúng hội đến bên ao hoa với sự ham thích bẻ lấy cành hoa, thần túc từ đó mất luôn. Trở về lại vị trí cũ, Điều-đạt sau khi mất thần túc, đã sinh tâm ác muốn hại Đức Phật, nên nói với thái tử: Nay phụ vương của ông cai trị bằng chánh pháp, theo chỗ tôi hiểu thì không biết khi nào mới suy tàn. Mạng người vô thường, khó bảo đảm được hơi thở sau, tại sao vương vị này phải kéo dài thời gian lâu như vậy đối với thái tử? Ông có thể mưu đồ để sớm nắm lấy bốn biển. Tôi sẽ hại Phật thay thế ngôi Pháp vương. Trong nước Ma-kiệt này sẽ có Vua mới, Phật mới cùng nhau hoằng hóa đạo, há không phải là điều tốt chẳng? Thái tử trả lời: Công ơn cha mẹ lớn hơn trời đất, công ơn nuôi dưỡng trời bể ấy tôi muốn báo đền nhưng chưa đáp được, tại sao thầy lại chỉ lối cho tôi làm điều phản nghịch như vậy?! Điều-đạt nghe như thế, lòng vẫn không xấu hổ cứ dùng lời xảo quyệt để khuyên dụ thái tử, làm cho thái tử chìm đắm trong sự mê muội, nên chấp nhận làm theo lời của Điều-đạt. Sau đó thái tử bí mật mang một lưỡi kiếm bén đi vào cửa vương cung. Vì ôm lòng ác độc, phản nghịch nên bất giác bị giằng xé hoảng sợ, lảo đảo té nhào trước vương cung, rồi lại đứng dậy. Quan giữ cửa thấy vậy, liền chạy đến trong ý nghĩ: Thái tử thường vào đây với oai nghi đĩnh đạc, tại sao hôm nay lại có hiện tượng như thế, chắc có lý do gì, vội vàng đến hỏi. Thái tử trả lời: Tôi muốn giết Vua cha nên mới thế này. Viên

quan lại hỏi: Ai xúi giục thái tử làm phản? Thái tử nói: Điều-đạt. Các quan giữ cửa cùng nhau bàn định: Nên giải quyết sao đây? Vị thứ nhất đề nghị: Nên giết sạch Sa-môn và thái tử Chúng Lạc. Vị thứ hai nêu ý kiến: Trước đây Đức Phật đã sai Tôn giả Xá-lợi-phất tuyên bố sự ác nghịch của Điều-đạt, tại sao lại muốn giết hết Sa-môn? Chính tội này chỉ do thái tử và Điều-đạt, hai người mà thôi. Vị thứ ba kiến nghị: Chúng ta không vội phán quyết tội này, cần phải tâu lên nhà Vua. Nhà Vua sẽ có giáo sắc, ta sẽ thừa lệnh thi hành. Nghị bàn như vậy rồi, các quan liền đem vấn đề tâu lên nhà Vua. Nhà Vua hỏi: Chư thân, các ông có ý kiến gì đây? Các quan liền trình bày đầy đủ vấn đề đã bàn. Nhà Vua liền đỗi vị quan có ý kiến thứ nhất, di chuyển vị quan có ý kiến thứ hai và trao thêm quyền hạn cho vị có kiến nghị thứ ba. Nhà Vua lại cho tập hợp quần thần để nghị bàn việc này. Các quan đều nói: Vị quan có ý kiến thứ hai là hợp lý mà nhà Vua còn di chuyển địa vị, xem thế thì rõ thánh tâm của nhà Vua là không nhẫn tâm tạo sự tác hại. Với hình phạt chính đã không áp dụng thì phải dùng hạ kế. Các quan nói: Ngồi Vua, thái tử là người thừa kế. Chỉ vì thái tử muốn gặp làm Vua nên mới phản nghịch, nay nên trao ngôi vị Vua cho thái tử thì tâm ác kia sẽ chấm dứt. Ý kiến đó hợp với lòng Vua, Vua liền thoái vị, truyền ngôi cho thái tử với vương hiệu là A-xà-thế. Buổi đầu ở ngôi Vua, thọ hưởng năm đục lạt nên tâm sát nghịch tạm thời quên đi. Sau một thời gian ngắn, cho dù không có việc gì đi nữa, A-xà-thế vẫn hãm hại phụ mệnh.

Bấy giờ, Vua A-xà-thế có một con voi rất hung hãn. Điều-đạt bí mật đến chỗ người nài voi nói với người ấy: Ngày mai Sa-môn Cù-đàm sẽ đi trên con đường này, Ông vì tôi phục cho con voi thật say, rồi thả ra nơi đoạn đường đó. Đức Phật với tâm nhiều kiên ngạo ắt sẽ đi không tránh, do đó sẽ bị nó đạp chết. Đối với ông tôi sẽ hậu tạ. Sáng hôm sau, đến giờ khát thực, Đức Phật đắp y, mang bát cùng năm trăm đệ tử vào thành. Trước đó, người nài voi đã cho voi uống rượu say mềm. Từ xa thấy Đức Phật đi tới, ông ta liền thả voi ra. Những người có lòng tin, vui thích Phật pháp, thấy voi say được thả ra, vội vàng đến bạch Phật: Cúi xin Đức Thế Tôn nên đi con đường khác, năm trăm vị đệ tử và Tôn giả A-nan cũng bạch Phật như vậy. Đức Phật Ba lần đều trả lời: Không can chi! Rong còn không hại ta được, huống gì là voi. Các đệ tử do phản xạ tự nhiên rời Phật đi qua đường khác, chỉ có Tôn giả A-nan một mình đi theo Phật. Khi ấy, những người xem coi bao vây xung quanh đông nghẹt, ai nấy đều luận bàn: Nay hai rồng thử sức, xem con nào hơn. Ngoại

đạo thì nói: Voi rỗng sức đều mạnh, chắc là thắng so với người. Đệ tử của Phật thì nói: Người rỗng, đạo cao đức trọng, chắc hàng phục được voi. Lời qua tiếng lại không đi đến đâu, họ cá nhau bằng tiền để phân định hơn thua. Đối với voi say, khi từ xa thấy Phật đi đến, nó đập tai, hỉnh mũi, như sức gió mạnh xông thẳng về phía Đức Phật. Tôn giả A-nan hoảng hốt, khiếp sợ, bất giác chui ngay vào nách Đức Phật. Đức Phật nói: Này A-nan! Vừa rồi chính ông đã nghe Ba lần ta nói: Không can chi. Tại sao không tin mà còn hoảng sợ đến thế? Đức Phật thấy voi tiến tới, Ngài liền nhập Tam-muội Tâm từ và nói kệ:

*Người đừng hại  
Đại long Đại long ra  
đời khó.*

*Nếu ai hại  
Đại long, Đời sau  
đọa cõi ác.*

Con voi nghe kệ rồi, đưa cái vòi ra trải lên đất, ôm chân Đức Thế Tôn. Trong chốc lát, với động tác kính cẩn ấy được lập lại ba lần, nó chiêm ngưỡng Đức Phật từ trên xuống dưới. Voi đi quanh bên phải ba vòng, bước lui lại rồi ra đi. Từ đó về sau nó thành một con voi hiền lành. Đây chính là một điều kỳ lạ! Mọi người đồng thanh khen ngợi: Sa-môn Thích tử không dùng dao gậy mà hàng phục được con voi hung dữ này. Người dân trong nước không còn bị sợ hãi nữa. Kỳ diệu thay! Các ngoại đạo thấy đều xấu hổ. Còn đệ tử của Đức Phật thì hơn hởi vui mừng. Kiểm thu số tiền đắc cuộc lên đến hơn bảy mươi vạn. Sau khi hàng phục voi, Đức Phật lại nói kệ:

*Voi say đây sân  
hận Tiến về đấng Đạo  
sư Trăm họ đều thấy rõ  
Hơn thu tiền cướp  
nhau. Hình voi tựa  
Thái sơn Sáu mươi voi  
nào hơn*

*Vang dội chúng lòng  
người Rống lên phá quân  
địch.*

*Đại lực của Đạo sư  
Thương chúng sinh,  
xuất thế Muốn độ con voi  
dữ*



*Trước nó ta  
đứng yên. Voi lay mọi  
người biết Đạo, tục  
đều vui mừng Khen Ta  
hàng voi dữ Phật là  
Sư tử vương.*

Điều-đạt chứng kiến như vậy rồi, tâm ác khác lại nảy sinh: Nay hại Phật bằng phương thức này không được rồi, ta sẽ tìm một tên hung thủ, không biết Phật là ai, thuê nó với giá đắt để nó giết mới được. Lập tức, Điều-đạt đi khắp nơi tìm kiếm, gặp được một người đàn ông vạm vỡ, bèn nói: Ông vì tôi giết Phật, tôi sẽ hậu tạ. Người kia ham của nên đồng ý. Bấy giờ, Đức Phật đang kinh hành nơi đất trống, từ xa đã thấy hung thủ, Ngài dùng Tam-muội tâm từ bủa khắp thân người ấy, đưa tay vẫy gọi. Hung thủ bất giác buông dao, vội đến với Đức Phật, đầu mặt đánh lê sát chân, bạch Phật: Nay con là người si cuồng, muốn hại Đức Thế Tôn. Con tự biết có tội nặng, cúi xin Ngài cho con sám hối.

Đức Phật dạy: Ông thật là người ngu si nên mới ham tiền mà hại Đức Như Lai. Trong giáo pháp của Ta, nếu người biết có tội mà sám hối thì sẽ tăng trưởng căn lành. Liền theo đó Đức Thế Tôn nói pháp độ ông ta. Ngài phân tích vấn đề bố thí, vấn đề trì giới, vấn đề sinh thiên, vấn đề nhiễm ô của kẻ tại gia và vấn đề an vui của người xuất thế. Tâm hồn người ấy vui mừng, Đức Phật biết được điều đó nên lại vì ông ta nói pháp khổ, tập, tận, đạo. Nghe các pháp ấy, ông ta bùng vỡ sự tử ngộ và với các pháp được tử ngộ này, ông ta xa lìa trần cấu, đạt được mắt pháp trong sạch. Thấy pháp đặc quả rồi, ông ta xin quy y Tam bảo, thọ trì năm giới. Đức Thế Tôn bảo ông ta trở về bằng con đường khác, vì Điều-đạt đã thuê hai người đón đường cũ giết người này, ngõ hầu bịt kín tiếng xấu ác. Tuần tự như vậy, Điều-đạt thuê bốn người, cho đến ba mươi hai người. Họ đều đến trước Đức Phật và được Phật thứ lỗi độ họ như thế, sau cùng Ngài nói pháp. Nghe pháp họ đều chứng quả Tu-đà-hoàn.

Các Tỳ-kheo nghe Điều-đạt thuê người hại Phật, cùng nhau cầm đao trượng đến để hộ vệ Đức Thế Tôn. Các Tỳ-kheo phân bố đứng khắp nơi. Nếp sống của chư Phật là mỗi buổi sáng khi mặt trời mọc thì rời phòng ra ngoài. Sáng hôm nọ, Ngài đi ra khỏi phòng thì thấy các Tỳ-kheo đứng hai bên, Ngài hỏi: Vì lý do gì các thầy cầm đao gậy đứng đây? Các Tỳ-kheo thưa: Chúng con nghe Điều-đạt thuê người hại Phật, không an tâm nên đến đứng đây. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Như Lai mà bị chết không đúng lúc là điều không có thể. Năm hạng thầy ở đời mới cần sự



hộ vệ, chư Như Lai thì không, các thầy cứ an tâm trở về, tự bảo hộ lấy tâm mình.

Điều-đạt biết rõ sự thất bại, lại nung nấu ý đồ khác: Âm mưu của ta hại Phật phen này cũng bị thất bại. Ta tìm một người phối hợp cùng ta thực hiện sẽ có kết quả hơn. Điều-đạt lập tức tìm được một người, cùng leo lên núi Kỳ-xà-quật. Khi ấy, Đức Thế Tôn đang đi kinh hành trên tảng đá phía dưới núi. Điều-đạt vội vã sai người kia xô đá hại Phật, vừa khởi tâm xô đá thì tay chân người kia không cử động được. Tâm niệm ông ta lại nghĩ đến công đức to lớn của Phật. Với tâm niệm ấy tay chân ông ta bình phục như cũ. Điều-đạt thấy vậy nổi giận nói: Tại sao người khốn nạn thế, người đi cho khuất mắt ta gấp! Điều-đạt liền tự tay đẩy một tảng đá lớn chui lăn xuống hại Phật. Có thần núi bên dưới tên là Kim-bệ-lô, đỡ lấy hòn đá quăng ra ngoài xa, chỉ có một mảnh nhỏ quăng trúng làm bị thương ngón chân cái của Đức Phật. Đức Thế Tôn chứng kiến như vậy, nói với Điều-đạt: Nay ông phạm phải tội vô gián. Nếu ai với tâm ác làm cho thân Phật chảy máu chắc chắn sẽ bị đọa vào địa ngục vô gián A-tỳ.

Điều-đạt lại nghĩ ra mưu mẹo khác: Ta đã không thể hại được Phật, chỉ còn có cách là phá sự hòa hợp của Tăng. Phật có Đại thần lực, nếu ta có thể phá được Tăng của Ngài thì uy danh của ta sẽ chấn động khắp nơi. Đức Phật biết được ý nghĩ đó, liền nói với Điều-đạt: Ông chớ nên phá hòa hợp Tăng. Nếu Tăng bị phá và ai có thể hòa hợp lại, người đó sẽ được sinh lên cõi trời, nhận lấy một kiếp an vui. Nếu người nào phá hòa hợp Tăng, người đó bị đọa vào địa ngục một kiếp thọ khổ. Điều-đạt nghe rồi, tạm thời xả bỏ tâm ác đó, nhưng sau thời gian làm sống dậy lại tâm ấy. Đức Phật cũng khuyên can như trước và nói kệ:

*Chúng Tăng hòa  
hợp vui Hòa hợp thường  
an ổn Ai phá hòa hợp  
Tăng Một kiếp địa ngục  
khổ. Chúng Tăng hòa  
hợp vui Hòa hợp thường  
an ổn Hàn gắn Tăng bị  
phá Thọ vui một kiếp  
trời.*

*Nếu chia rẽ riêng  
biệt Thường nói lời bất  
thiện Để phá hòa hợp  
Tăng Một kiếp địa ngục*

*khổ. Không chia rẽ  
riêng biệt Thường hay  
nói lời lành Để hàn gắn  
Tăng phá Thọ vui một  
kiếp trời.*

Điều-đạt nghe rồi, tạm thời xả bỏ tâm ác ấy, nhưng thời gian sau tâm ác ấy lại sống dậy mạnh hơn trước. Các Tỳ-kheo nghe Điều-đạt rắp tâm phá hòa hợp Tăng, liền đến bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bằng mọi phương tiện chuyển lời đến khiển trách Điều-đạt, rồi Ngài bảo các Tỳ-kheo: Nên sai một Tỳ-kheo thân tình nồng thắm với Điều-đạt đến khuyên can: Thấy đừng phá hòa hợp Tăng, đừng làm việc phá Tăng, nên cùng Tăng hòa hợp, Tăng hòa hợp nên hoan hỷ không tranh cãi, một lòng cùng học như nước với sữa hòa hợp, cùng nhau phát huy lời thầy dạy về hạnh an lạc. Nếu Điều-đạt thuận tùng thì tốt, bằng không thì sai số đông Tỳ-kheo đến khuyên. Nếu Điều-đạt lại cũng không nghe lời thì Tăng nên đến can gián. Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, ba lần khuyên như vậy, Điều-đạt đều không nghe theo. Các Tỳ-kheo bằng mọi cách quở trách rồi, trình bày vấn đề lên Đức Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, lại cũng bằng mọi phương tiện chuyển lời khiển trách đến Điều-đạt và bảo các *Tỳ-kheo: Do mười điều lợi, nên vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau:* “Tỳ-kheo nào tìm phương tiện để làm việc phá hòa hợp Tăng, các Tỳ-kheo nên nói với các Tỳ-kheo kia: Thấy đừng tìm phương tiện phá hòa hợp Tăng. Thấy nên cùng Tăng hòa hợp. Cùng Tăng hòa hợp thì vui vẻ không tranh cãi. Một lòng cùng học như nước với sữa hòa hợp, cùng nhau phát huy lời dạy của Bốn sư về hạnh an lạc. Can gián như vậy, đương sự kiên trì không bỏ thì nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián bỏ thì tốt, không bỏ, phạm Tăng-già-bà-thi-sa”.

*Phá Tăng:* Tìm mọi phương tiện để phá Tăng.

*Hòa hợp:* Đồng Bố-tát, Tự tứ Yết-ma, cùng Tăng làm những việc của Tăng.

*Tăng:* Từ bốn vị trở lên, Tỳ-kheo kia muốn phá Tăng, các Tỳ-kheo khác thấy, nghe, biết nên sai một Tỳ-kheo thân quen với vị ấy đến can gián. Tỳ-kheo ấy bỏ thì phạm một Đột-kiết-la hối quá. Nếu không bỏ thì sai số đông Tỳ-kheo đến can gián, khi ấy chịu bỏ thì phạm hai tội Đột-kiết-la hối quá. Nếu lại không bỏ thì Tăng đến can gián, khi ấy chịu bỏ thì phạm ba tội Đột-kiết-la hối quá. Nếu không bỏ thì Tăng Bạch-tứ-yết-ma can

gián.

Một Tỳ-kheo tuyên bố như sau:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo\_này hăng hái tạo

phương tiện phá hòa hợp Tăng. Tăng đã can gián: Thầy không nên hăng hái tạo phương tiện phá hòa hợp Tăng. Khi can gián như vậy mà kiên trì không bỏ, nay Tăng Yết-ma can gián. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch. Bạch rồi nên nói với Tỳ-kheo kia: Tăng đã bạch rồi, còn ba Yết-ma nữa, thầy nên bỏ việc phá hòa hợp Tăng, đừng để phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu vị kia bỏ thì trao cho ba Đột-kiết-la, một Thâu-lan-giá hối quá. Nếu không bỏ thì nên xướng tiếp: Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo\_này hăng hái tạo phương tiện phá hòa hợp Tăng. Cho đến nay Tăng Yết-ma can gián. Các Trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì xin nói. Rồi lại phải nói với Tỳ-kheo kia: Tăng đã Yết-ma lần thứ nhất xong, còn hai Yết-ma nữa. Thầy nên bỏ phá hòa hợp Tăng, đừng để phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu vị kia chịu bỏ thì trao cho ba Đột-kiết-la, hai Thâu-lan-giá hối quá. Nếu không bỏ thì Yết-ma lần thứ hai, như trên. Yết-ma lần thứ hai xong, lại phải nói như trên. Nếu vị kia chịu bỏ thì trao cho ba Đột-kiết-la, ba Thâu-lan-giá hối quá. Nếu không chịu bỏ thì Yết-ma lần thứ ba, như trên. Yết-ma lần thứ ba chưa xong, vị ấy

chịu bỏ thì trao cho ba Đột-kiết-la, ba Thâu-lan-giá hối quá. Yết-ma lần thứ ba xong, bỏ hay không bỏ đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Tỳ-kheo-ni phạm cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la. Nếu tác bạch không thành thì ba Yết-ma đều không thành. Nếu tác Yết-ma khác, giá Yết-ma, phi pháp Yết-ma, không can gián tự tổ đều không phạm.

Xong giới thứ mười

-----

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, những Tỳ-kheo yểm trợ Điều-đạt, nói với các Tỳ-kheo: Những gì Điều-đạt nói là Điều-đạt biết, chứ chẳng phải không biết mà nói, nói đúng pháp chứ chẳng phải nói phi pháp, nói đúng luật chứ chẳng phải nói sai luật, tâm chúng tôi đều chấp nhận và vui mừng. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách: Tại sao các thầy nói: Những gì Điều-đạt nói là Điều-đạt biết, chứ chẳng phải không biết mà nói, nói đúng pháp chứ chẳng phải nói phi pháp, nói đúng luật chứ chẳng phải nói sai luật, tâm chúng tôi đều chấp

nhận và vui mừng?! Quở trách rồi, đem vấn đề bạch lên Đức Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, sau khi chuyển lời quở trách các Tỳ-kheo yểm trợ cho Điều-đạt, Ngài bảo các Tỳ-kheo: Nên sai một Tỳ-kheo thân quen với các Tỳ-kheo yểm trợ Điều-đạt đến can gián họ: Các thầy đừng nói: Những gì Điều-đạt nói là Điều-đạt biết, chứ không phải không biết mà nói, nói đúng pháp chứ chẳng phải nói phi pháp, nói đúng luật chứ chẳng phải nói sai luật, chúng tôi đều chấp nhận và vui mừng. Tại sao vậy? Điều-đạt chẳng phải biết mà nói, nói phi pháp, nói phi luật. Các thầy đừng yểm trợ việc làm phá hòa hợp Tăng, nên yểm trợ việc hòa hợp Tăng. Hòa hợp Tăng thì vui vẻ không tranh cãi. Một lòng đồng học như nước hòa với sữa, cùng nhau hoằng truyền lời dạy về hạnh an lạc của đức Đạo sư. Nếu họ chấp nhận thì tốt, bằng không nên sai số đông Tỳ-kheo Tăng đến can gián. Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, can gián như vậy Ba lần, các Tỳ-kheo yểm trợ Điều-đạt đều không chấp nhận. Các Tỳ-kheo bằng mọi cách quở trách rồi, đem sự việc trình bày lên Đức Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bằng nhiều phương tiện chuyển lời quở trách đến các Tỳ-kheo yểm trợ Điều-đạt, rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi nên vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay, giới này được nói như sau: ***“Tỳ-kheo nào yểm trợ việc phá hòa hợp Tăng, hoặc một, hoặc hai, hoặc số đông, nói với các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo này nói ra là biết chứ không phải không***

***biết mà nói, nói như pháp chứ không nói phi pháp, nói đúng luật chứ không nói sai luật. Những gì Tỳ-kheo này nói chúng tôi chấp nhận và vui mừng. Các Tỳ-kheo này nói với các Tỳ-kheo kia: Các thầy đừng nói: Những gì Tỳ-kheo này nói ra là biết chứ không phải không biết mà nói, nói đúng pháp chứ chẳng phải nói phi pháp, nói đúng luật chứ chẳng phải nói sai luật. Những gì Tỳ-kheo này nói chúng tôi chấp nhận và vui mừng. Tại sao vậy? Vì Tỳ-kheo ấy chẳng phải biết mà nói, không nói pháp, không nói luật. Các thầy chớ nên vui thích với việc yểm trợ phá hòa hợp Tăng, nên vui vẻ yểm trợ với việc hòa hợp Tăng. Tăng hòa hợp thì hoan hỷ, không tranh cãi. Một lòng đồng học như nước hòa với sữa, cùng nhau hoằng truyền hạnh an lạc của Đạo sư dạy. Can gián như vậy mà kiên trì không bỏ, nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián bỏ thì tốt, không bỏ phạm Tăng-già-bà-thi-sa”***.

*Yểm trợ phá Tăng:* Bằng nhiều cách yểm trợ tạo thành việc phá Tăng.

*Hòa hợp:* Đồng Bố-tát, Tự tứ. Sai một người thân quen can

gián, nếu bỏ thì phạm Đột-kiết-la hối quá. Cho đến không can gián mà tự bỏ đều như giới trước đã nói.

Xong giới thứ mười một

-----

Đức Phật ở tại nước Câu-xá-di. Bảy giờ Tỳ-kheo Xiển-đà phạm các tội: Vào nhà bạch y bạ giường nào cũng nằm, ngồi, không đúng pháp, ăn riêng chúng, ăn phi thời là chuyện thường đối với ông. Vào xóm làng Xiển-đà cũng không thưa với Tỳ-kheo thiện. Các Tỳ-kheo thấy vậy chỉ trích thầy phạm phép tắc như thế là có lỗi. Thầy phải nhìn thấy điều này mà sám hối, đừng để mất sự thanh tịnh đối với việc tu phạm hạnh. Không lẽ thầy sống mãi với đêm dài tội lỗi này mà nhận lấy các khổ não! Sao đành để cho thí chủ mất hết mọi công đức!

Xiển-đà trả lời: Đại đức! Các thầy không nên dạy tôi, tôi dạy các thầy mới phải: Tại sao vậy? Pháp vương Thánh sư là chủ của tôi, pháp tắc tôi rút ra từ đó, không dính dự gì đến các Đại đức. Giống như trận gió lớn thổi các cỏ rác dơ uế tập trung lại một chỗ. Tất cả các Đại đức gồm nhiều dòng họ, gồm nhiều gia đình, gồm nhiều quốc gia, xuất gia cũng bao gồm như vậy. Tại sao các thầy lại muốn răn dạy tôi: Này các Đại đức, đừng nói với tôi điều gì hoặc tốt, hoặc xấu, tôi cũng không nói điều gì với các Đại đức hoặc tốt, hoặc xấu. Các Tỳ-kheo lại nói với Xiển-đà: Thầy đừng tự cao, thầy không thể không dùng lời cộng tác với nhau. Thầy nên nói với các Tỳ-kheo những chuyện tốt xấu, các Tỳ-kheo cũng sẽ nói chuyện với thầy, những chuyện tốt xấu. Sự trao đổi chỉ giáo cho nhau, giúp nhau sám hối xuất tội như vậy, làm trưởng thành chúng Tăng của Đức Như lai. Các Tỳ-kheo can gián như vậy, Xiển-đà vẫn ngoan cố không bỏ, nên các Tỳ-kheo cùng đưa đến chỗ Đức Phật, trình bày lên Ngài sự việc. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Xiển-đà: Thật sự ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn! Sự thật con có như vậy, Xiển-đà thưa. Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách: Ông là người ngu si, tại sao nói không thể dùng lời hợp tác với nhau?! Các Tỳ-kheo thấy ông phạm tội, nên không muốn cùng ông Bố tát, Tự tứ, Yết-ma, làm những việc của Tăng nên rủ lòng thương mà quở trách, can gián ông. Tại sao ông lại không thuận chấp nhận?! Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nên sai một Tỳ-kheo thân thiện với Xiển-đà tới can gián như trên, kể đến sai nhiều chúng Tỳ-kheo, tiếp theo là Tăng đến can gián. Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, ba phen can gián mà Xiển-đà vẫn không chịu nghe theo, nên mới bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, rồi bằng mọi cách chuyển lời đến khiến

trách Xiển-đà xong, bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi nên vì các Tỳ-kheo kiệt giới. Từ nay giới này được nói như sau: “*Tỳ-kheo nào có tánh ác, khó dạy, đối với các Tỳ-kheo đồng học kinh luật, thường hay phạm tội, các Tỳ-kheo như pháp, như luật can gián kẻ phạm giới ấy. Vị ấy lại nói: Nay Đại đức, thầy đừng nói với tôi điều gì hoặc tốt hoặc xấu, tôi cũng không đem điều tốt điều xấu nói với thầy. Các Tỳ-kheo lại nói: Thầy đừng ngạo mạn, không thể không cùng nhau xây dựng. Thầy nên vì các Tỳ-kheo nói như pháp, các Tỳ-kheo cũng sẽ vì thầy nói như pháp. Sự trao đổi chỉ vẽ cho nhau như vậy sẽ giúp nhau loại trừ các tội lỗi, khiến chúng Tăng của Như Lai trưởng thành. Can gián như vậy mà kiên trì không bỏ, nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián bỏ thì tốt, không bỏ phạm Tăng-già-bà-thi-sa”.*

*Tánh ác khó dạy:* Không chấp nhận sự răn dạy sửa đổi, không có tâm cung kính, cho mình là phải, cho người là trái.

*Đồng học kinh luật:* Kinh là tất cả lời Phật dạy, luật là Ba-la-đề-mộc-xoa. Khi sai một Tỳ-kheo thân thiết đến can mà bỏ thì phạm một Đột-kiết-la hối quá, cho đến không can mà tự bỏ đều giống như giới trên đã nói.

Xong giới thứ mười hai

Đức Thế Tôn ở tại thành Xá-vệ. Lúc ấy, nơi ấp Kiết La có hai Tỳ-kheo, một người tên là Át-bệ, người thứ hai tên là Phân-na-bà cùng hành hạnh ác, làm như nhớp nhà người, làm những việc phi oai nghi như tự kết tràng hoa, dạy người kết tràng hoa, tự mình mang, dạy người mang tràng hoa, cùng ngồi một giường với người nữ, cùng ăn một mâm, ăn thịt, uống rượu, ca múa theo âm nhạc, giả làm âm thanh các loài chim, cũng làm các loài chim đá nhau, khi thì bài bạc, khi thì đi ngã nghiêng cười đùa, khi thì ném bắt, chỉ tay nheo mắt, hướng đến người nữ làm các trò hề để trêu ghẹo. Cả thân, khẩu, ý làm các điều ác như vậy, phá giới, phá kiến, phá oai nghi chánh mạng. Khi ấy có năm trăm Tỳ-kheo oai nghi đầy đủ, từ nước Ca-di đến ấp này, tới giờ mang bát vào thôn khát thực. Thấy các nhà sư, các Cư sĩ đều nói: Các Tỳ-kheo này từ đâu đến, sao lại cúi đầu làm thanh giống như hiếu tử, không biết mở miệng giao tiếp với mọi người. Ở nơi ấp chúng ta đã có sẵn hai Tỳ-kheo hiền đủ tài, lăm nghề, khéo làm đẹp lòng người, đâu có phiền gì để hạ người này ở lại ấp của ta, dứt khoát không cho họ thức ăn, để họ mang bát không mà ra về. Lúc đó, Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên cũng trên đường từ Ca-di đến ấp này. Nghe tin ấy, nhóm Át-bệ lo lắng suy nghĩ: Hai vị này đến đây ắt phải



nghe việc làm ác nổi tiếng của chúng ta mà cắt đứt mọi sự cúng dường. Cả hai bèn đến nói với các Cư sĩ: Không bao lâu nữa sẽ có hai Tỳ-kheo đến đây, một vị tên là Mục-liên, rất tài tình về huyền thuật, hiện hiện, biến hóa đủ mọi hình thức. Vị thứ hai tên là Xá-lợi-phất rất giỏi chú pháp, xảo ngôn, khéo mê hoặc người. Các Phật tử nên đồng tâm đừng để bị mê hoặc! Chúng tôi sẽ ở lại đây. Nếu không đạt được yêu cầu chính đáng này thì chúng tôi sẽ đi. Các Cư sĩ nói: Quý Trưởng lão cứ an tâm, chúng con sẽ không bao giờ bị họ mê hoặc.

Đến với ấp này, hai vị được các Cư sĩ già trẻ lớn nhỏ đều ra nghinh đón hỏi chào, cung kính đánh lễ, rồi ngồi qua một bên. Nhân lúc ấy Mục-liên hiện bày thần biến, chia thân ra làm trăm ngàn rồi hiệp lại làm một, đi xuyên qua tường vách, đi trên nước như đi trên đất, ngồi nằm trên hư không như chim bay liệng, thân đến Phạm thiên, tay sờ mặt trời, mặt trăng, phần trên của thân tuôn ra lửa, phần dưới của thân tuôn ra nước, phần trên của thân tuôn ra nước, phần dưới của thân tuôn ra lửa, hoặc hiện nửa thân, hoặc hiện toàn thân, vọt ra nơi phương Đông, lặn nơi phương Tây, vọt ra nơi phương Tây, lặn nơi phương Đông, vọt ra nơi phương Nam, lặn nơi phương Bắc, vọt ra nơi phương Bắc, lặn nơi phương Nam, vọt ra nơi chính giữa, lặn mất vào một bên, vọt ra nơi một bên, lặn mất vào chính giữa. Hiện thần biến rồi trở lại ngồi vào chỗ cũ. Bấy giờ, các Cư sĩ đều nói với nhau: Mục-liên huyền thuật tài tình, sự thật này là hiển nhiên. Đến phiên Xá-lợi-phất giảng nói pháp diệu. Suốt từ đầu đến cuối bài thuyết pháp không chỗ nào là không dễ hiểu, không mang ý nghĩa thiện, pháp vị thiện với đầy đủ hình tướng thanh bạch phạm hạnh. Nói pháp rồi, Tôn giả ngồi yên trong tư thế thiền định. Đối với các Cư sĩ họ lại cùng nhau bàn nói: Xá-lợi-phất quả có tài nói pháp. Dù cho cả hai đã được kiểm chứng, ấy vậy mà mọi người vẫn không tín thọ, không có sự cúng dường.

Vào thời điểm ấy, ấp này có hai Ưu-bà-tắc, một tên là Phú Xà, một tên là Ưu-lâu-già, với lòng tin vui theo Phật Pháp, thấy rõ chân lý đã đắc quả, nên rất hoan hỷ bố thí cúng dường Sa-môn. Hai ông này nghe Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-liên từ Ca-di đến, cả hai cùng tới nghinh đón, đầu mặt đánh lễ sát chân. Hai Tôn giả đã vì họ nói pháp diệu và họ rất vui mừng vì điều lợi ích được chỉ bày. Sau khi nghe pháp hai ông thưa với Tôn giả Xá-lợi-phất: Trong ấp này có hai Tỳ-kheo, qua nhiều sự việc cả hai đã hành động không còn gì là oai nghi (họ trình bày đầy đủ như trên). Gần đây có năm trăm vị Tỳ-kheo, rất mực oai nghi



vào trong thôn khát thực, đành phải ôm bát không ra về. Cúi xin Đại đức đem việc này bạch lên Đức Phật. Một lần nữa Tôn giả vì hai Ưu-bà- tắc giảng nói pháp vi diệu, chỉ dạy điều lợi ích, làm cho họ ra về đầy vui mừng. Trở về thành Xá-vệ, hai Tôn giả bạch lên Đức Phật vấn đề trên một cách đầy đủ. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng rồi bảo Tôn giả A-nan: Ông đến ấp Kiết-la trao cho hai Tỳ-kheo ấy pháp Yết-ma khu xuất (đuổi khỏi ấp). Tôn giả A-nan bạch Phật: Tỳ-kheo ác kiến kia chẳng phải Sa-môn, tự nói là Sa-môn, thường làm điều bất tịnh, tâm họ đã bại hoại đến thế, nếu một mình con đến, chắc chắn với cái ác tội cùng ấy, hai ông tha hồ quấy phá, náo loạn. Đức Phật nói với Tôn giả A-nan: Đúng vậy, đúng vậy, nhận xét của ông là sự thật. Nay ông có thể cùng với một số Tỳ-kheo, nhiều ít tùy ý ông, đến ấp Kiết La, trước tập hợp chúng, sau đó mới cử tội nhóm Át-bệ, Bạch-tứ-yết-ma, đuổi ra khỏi ấp. Một Tỳ-kheo tác pháp như sau:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là \_đã hành xử theo hạnh xấu ác làm hoen ố nhà người. Về hạnh xấu ác mọi người cũng đều nghe thấy và biết rõ. Nay Tăng đuổi ra khỏi ấp này. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là \_hành xử theo hạnh xấu ác, làm nhơ nhớp nhà người. Làm hạnh xấu ác mọi người đều thấy nghe và biết rõ, làm nhơ nhớp nhà người, ai nấy cũng đều nghe thấy và biết rõ. Nay Tăng đuổi ra khỏi ấp này. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng, vị nào không đồng ý thì xin nói. (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy)

Tăng đã đồng ý đuổi Tỳ-kheo \_ra khỏi ấp rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thi hành như vậy.

Tôn giả A-nan ghi nhận và làm theo lời Phật dạy, cùng đưa năm trăm Tỳ-kheo đến ấp Kiết La. Các Cư sĩ nghe Tôn giả A-nan cùng năm trăm Tỳ-kheo đến ấp đều ra nghinh đón, hỏi chào và đánh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên. A-nan liền tập hợp chúng, cho đến việc Yết-ma. Tác pháp Yết-ma xong, hai Tỳ-kheo ấy cũng ngoan cố không đi. Các Tỳ-kheo hỏi: Tại sao hai thầy không đi? Họ trả lời: Tôn giả A-nan đã tùy tiện làm việc theo thương ghét, giận hờn, si mê, sợ hãi, cho nên không đi. Tại sao vậy? Có Tỳ-kheo đồng tội như thế mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi! Các Tỳ-kheo nói: Hai thầy đừng nên nói Tôn giả A-nan tùy tiện làm việc theo thương, giận, si, sợ, có Tỳ-kheo đồng tội như thế mà có người bị đuổi có người không bị đuổi. Các thầy hành xử theo hạnh xấu ác, làm nhơ nhớp nhà người. Làm hạnh xấu ấy, mọi người đều nghe

thấy, biết rõ, làm như nhớp nhà người ai nấy đều quá rõ, chán ngấy. Các thầy nên ra khỏi chỗ này, không nên ở lại đây. Các Tỳ-kheo can gián như vậy mà vẫn kiên trì không bỏ. Các Tỳ-kheo đem việc ấy về bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bằng mọi hình thức chuyển lời khiển trách hai Tỳ-kheo kia rồi, Ngài lại bảo các Tỳ-kheo: Nên sai một vị thân cận thâm tình với hai Tỳ-kheo kia tới can gián như trên. Kế đến sai nhiều chúng Tỳ-kheo, tiếp theo là Tăng. Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, ba phen can gián mà đương sự vẫn không chấp nhận nên đem vấn đề bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, một lần nữa chuyển lời khiển trách đến phạm nhân. Ngài lại bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi nên vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay, giới này được nói như sau: *“Tỳ-kheo nào nương tựa trong xóm làng, hành xử xấu xa làm như nhớp nhà người, hạnh xấu xa ấy ai nấy đều nghe biết, và việc làm như nhớp nhà người, mọi người cũng đều nghe biết. Các Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo này: Thầy hành xử hạnh xấu xa, làm như nhớp nhà người. Hạnh xấu xa này ai nấy cũng đều nghe biết, và việc làm như nhớp nhà người ai nấy cũng đều nghe biết. Thầy nên đi khỏi chỗ này, không nên ở nơi đây. Tỳ-kheo kia nói: Các Đại đức tùy tiện làm việc theo yêu, giận, si, sợ. Tại sao vậy? Vì có Tỳ-kheo đồng tội như thế mà có người bị đuổi có người*

*không bị đuổi. Các Tỳ-kheo lại nói: Thầy đừng cường điệu nói: Các Đại đức làm việc theo yêu, giận, sợ, si, có người đồng tội mà người bị đuổi, người không bị đuổi. Thầy hành xử hạnh xấu xa, làm như nhớp nhà người. Hạnh xấu xa này mọi người đều nghe biết và việc làm như nhớp nhà người ai nấy cũng đều nghe biết. Thầy nên bỏ lời nói yêu, giận, si, sợ. Thầy nên ra khỏi chỗ này, không nên ở lại đây. Khi can gián như vậy mà vẫn kiên trì không bỏ, nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Can gián lần thứ hai, thứ ba, bỏ việc này thì tốt, không bỏ phạm Tăng-già-bà-thi-sa”.*

*Hành hạnh ác:* Thân, khẩu, ý phát xuất hạnh ác.

*Làm ô uế nhà người:* Khiến cho nhà người mất đi lòng tin tưởng nơi Phật pháp.

*Thấy:* Là tận mắt nhìn thấy.

*Nghe:* Là nghe từ người đáng tin cậy.

*Biết:* Là xa gần đều hay biết.

Sai một Tỳ-kheo thân quen can gián, mà chịu bỏ thì phạm Đột-kiết-la hối quá, cho đến không can gián mà tự bỏ, đều như trên đã nói.

Xong giới thứ mười ba

